

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010

đã được soát xét

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính đã được soát xét	6 – 26
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Hà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000023 ngày 25 tháng 9 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 01 đến lần thứ 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Mua bán hàng nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng (dụng cụ gia đình);
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn và dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Kinh doanh siêu thị;
- Mua bán ô tô, xe máy (cũ, mới);
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán các chất bôi trơn và làm sạch động cơ;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Kinh doanh bến, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 02 năm 2010 là 136.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Huy Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Minh Sơn	Thành viên
Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên
Ông Phan Văn Thuần	Thành viên
Ông Đinh Văn Thọ	Thành viên
Ông Lưu Tuấn Anh	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lưu Huy Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoan	Phó Giám đốc
Ông Phan Văn Thuần	Phó Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Thắng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thái Bình, ngày ... tháng ... năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc

Lưu Huy Hà

Số : 146 /2010/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ
CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Hoàng Hà

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà được lập ngày 06 tháng 8 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Hoàng Hà và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2010

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt
Giám đốc

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.014.240.062	76.742.206.955
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.794.579.221	11.183.634.286
1.	Tiền	111	V.1	4.794.579.221	11.183.634.286
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.350.000.000	50.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	33.350.000.000	50.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu	130		50.992.460.372	58.651.340.310
1.	Phải thu của khách hàng	131		306.301.058	1.778.776.558
2.	Trả trước cho người bán	132		50.053.794.222	55.554.474.879
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	632.365.092	1.318.088.873
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		7.398.555.284	4.669.535.543
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	7.398.555.284	4.669.535.543
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.478.645.185	2.187.696.816
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.478.645.185	1.537.657.868
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	650.038.948
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154.337.777.225	148.560.280.694
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		144.063.064.742	139.424.808.601
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	106.276.512.604	109.327.175.700
	- Nguyên giá	222		133.713.954.092	129.903.985.228
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.437.441.488)	(20.576.809.528)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	19.861.206.627	21.700.517.980
	- Nguyên giá	225		26.813.072.492	27.236.188.491
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(6.951.865.865)	(5.535.670.511)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	56.527.066	6.364.567
	- Nguyên giá	228		68.500.000	13.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.972.934)	(6.635.433)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17.868.818.445	8.390.750.354
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		8.560.000.000	7.560.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8.560.000.000	7.560.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1.714.712.483	1.575.472.093
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.714.712.483	1.575.472.093
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.352.017.287	225.302.487.649

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		110.188.988.696	160.933.201.555
I.	Nợ ngắn hạn	310		5.741.251.912	41.501.464.771
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1.859.051.236	15.671.497.156
2.	Phải trả người bán	312		1.983.605.638	3.937.834.776
3.	Người mua trả tiền trước	313		53.143.207	53.143.207
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	518.791.322	587.433.058
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.314.012.426	21.251.556.574
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.648.083	-
II.	Nợ dài hạn	330		104.447.736.784	119.431.736.784
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	104.447.736.784	119.431.736.784
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.163.028.591	64.369.286.094
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	142.163.028.591	64.369.286.094
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		136.000.000.000	60.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		300.000.000	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.863.028.591	4.369.286.094
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.352.017.287	225.302.487.649

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*Thái Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2010***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Phạm Ngọc Thắng****Phạm Ngọc Thắng****Lưu Huy Hà**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6 tháng đầu năm 2010***Đơn vị tính: VND*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	51.631.895.761
2.	Các khoản giảm trừ	03		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	51.631.895.761
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	36.158.375.473
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.473.520.288
6.	Doanh thu tài chính	21	VI.29	454.116.734
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	4.502.785.294
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.502.785.294
8.	Chi phí bán hàng	24		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.849.765.212
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.575.086.516
11.	Thu nhập khác	31		402.016.834
12.	Chi phí khác	32		170.386.432
13.	Lợi nhuận khác	40		231.630.402
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.806.716.918
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	943.688.327
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.863.028.591
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.22	504

*Thái Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2010***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Phạm Ngọc Thắng****Phạm Ngọc Thắng****Lưu Huy Hà**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.578.259.700
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(35.974.042.442)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.306.233.562)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(4.502.785.294)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		(1.214.564.483)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		33.907.038.715
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(29.718.981.467)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20		9.768.691.167
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.515.417.046)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(74.287.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		39.987.000.000
5.	Tiền chi vốn góp đầu tư vào các đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		454.116.734
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(39.361.300.312)

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		52.000.000.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.000.000.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(29.630.493.846)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(2.165.952.074)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		23.203.554.080
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.389.055.065)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.183.634.286
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		4.794.579.221

Thái Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Ngọc Thắng

Phạm Ngọc Thắng

Luu Huy Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua bán hàng nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng (dụng cụ gia đình);
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn và dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Kinh doanh siêu thị;
- Mua bán ô tô, xe máy (cũ, mới);
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán các chất bôi trơn và làm sạch động cơ;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Kinh doanh bến, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

3.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

3.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ vô hình

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó, bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là:

7.1. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

7.2. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 26/GCNUĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2005 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 48/GCNUĐ-UB ngày 07 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế đối với dự án đầu tư vận tải hành khách bằng ô tô trên 17 chỗ ngồi (sau đây gọi tắt là “dự án số 01”) và dự án đầu tư xây dựng xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe và bãi đỗ xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng (sau đây gọi tắt là “dự án số 02”) như sau:

- Được miễn 01 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp của 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với từng dự án.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Ngoài ra, theo Quyết định 62/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng, Công ty được miễn tiền thuê đất trong toàn bộ thời gian thuê đất đối với diện tích đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe (bao gồm cả khu bán vé, khu quản lý điều hành, khu phục vụ công cộng) phục vụ cho hoạt động vận tải hành khách công cộng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Đơn vị tính: VND***1. Tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	4.228.823.382	1.881.695.308
- Tiền gửi ngân hàng	565.755.839	9.301.938.978
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	4.794.579.221	11.183.634.286

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	33.350.000.000	50.000.000
+ <i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>
+ <i>Khác (*)</i>	<i>33.300.000.000</i>	-
Cộng	33.350.000.000	50.000.000

(*) Cho cá nhân vay ngắn hạn với lãi suất bằng lãi suất cho vay của ngân hàng.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	632.365.092	1.318.088.873
Cộng	632.365.092	1.318.088.873

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	6.963.022.225	4.177.885.239
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Thành phẩm	103.782.056	105.428.863
- Hàng hoá	331.751.003	386.221.441
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	7.398.555.284	4.669.535.543

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.923.018.298	1.188.918.450	118.573.760.480	218.288.000	129.903.985.228
- Mua trong kỳ	-	59.200.000	3.735.132.500	15.636.364	3.809.968.864
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	9.923.018.298	1.248.118.450	122.308.892.980	233.924.364	133.713.954.092
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.040.203.589	259.310.740	19.181.825.860	95.469.339	20.576.809.528
- Số khấu hao trong kỳ	205.481.052	76.584.860	6.559.053.129	19.512.919	6.860.631.960
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.245.684.641	335.895.600	25.740.878.989	114.982.258	27.437.441.488
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	8.882.814.709	929.607.710	99.391.934.620	122.818.661	109.327.175.700
2. Tại ngày cuối kỳ	8.677.333.657	912.222.850	96.568.013.991	118.942.106	106.276.512.604

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	-	-	27.236.188.491	-	27.236.188.491
- Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-	-	-
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trả lại tài sản thuê tài chính	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(423.115.999)	-	(423.115.999)
Số dư cuối kỳ	-	-	26.813.072.492	-	26.813.072.492
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	-	5.535.670.511	-	5.535.670.511
- Số khấu hao trong kỳ	-	-	1.419.583.812	-	1.419.583.812
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(3.388.458)	-	(3.388.458)
Số dư cuối kỳ	-	-	6.951.865.865	-	6.951.865.865
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	21.700.517.980	-	21.700.517.980
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	19.861.206.627	-	19.861.206.627

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Phần mềm hệ thống quản lý và điều hành taxi	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	13.000.000	-	-	-	13.000.000
- Mua trong kỳ	-	20.500.000	35.000.000	-	55.500.000
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	13.000.000	20.500.000	35.000.000	-	68.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.635.433	-	-	-	6.635.433
- Số khấu hao trong kỳ	812.502	1.025.001	3.499.998	-	5.337.501
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.447.935	1.025.001	3.499.998	-	11.972.934
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.364.567	-	-	-	6.364.567
2. Tại ngày cuối kỳ	5.552.065	19.474.999	31.500.002	-	56.527.066

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
- Nhà văn phòng – bến xe khách	17.868.818.445	8.390.750.354
- Công trình khác	-	-
Cộng	17.868.818.445	8.390.750.354

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Góp vốn xây dựng Bến xe Cẩm Phả	8.560.000.000	7.560.000.000
- Đầu tư trái phiếu, công trái	-	-
Cộng	8.560.000.000	7.560.000.000

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.714.712.483	1.575.472.093
- Khác	-	-
Cộng	1.714.712.483	1.575.472.093

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	11.646.493.846
- Vay ngân hàng	-	11.646.493.846
- Vay đối tượng khác	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	1.859.051.236	4.025.003.310
- Nợ vay ngân hàng	-	-
- Nợ thuê tài chính	1.859.051.236	4.025.003.310
Cộng	1.859.051.236	15.671.497.156

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế GTGT	124.795.874	-
- Thuế TTĐB	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	393.995.448	587.433.058
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
Cộng	518.791.322	587.433.058

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	1.463.178
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Doanh thu chưa thực hiện	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.314.012.426	21.250.093.396
+ Tiền góp vốn của các cổ đông	-	20.000.000.000
+ Khác	1.314.012.426	1.250.093.396
Cộng	1.314.012.426	21.251.556.574

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	96.280.994.142	111.264.994.142
- Vay ngân hàng	96.280.994.142	111.264.994.142
- Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	8.166.742.642	8.166.742.642
- Nợ thuê tài chính	8.166.742.642	8.166.742.642
- Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	104.447.736.784	119.431.736.784

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	-	-	(3.295.846.771)	56.704.153.229
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.665.132.865	7.665.132.865
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	-	-	4.369.286.094	64.369.286.094
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	-	4.369.286.094	64.369.286.094
Tăng vốn trong kỳ	72.000.000.000	-	-	-	72.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	5.863.028.591	5.863.028.591
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	4.000.000.000	-	300.000.000	-	4.300.000.000
Giảm khác	-	-	-	(4.369.286.094)	(4.369.286.094)
Số dư cuối kỳ này	136.000.000.000	-	300.000.000	5.863.028.591	142.163.028.591

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	136.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	136.000.000.000	60.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2010
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	76.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	136.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.000.000.000

đ. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.600.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.600.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.600.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.600.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.600.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/CP	10.000 đồng/CP

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.863.028.591
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.863.028.591
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.631.111
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND)	504

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2010
- Doanh thu bán hàng	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.631.895.761
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	-
Cộng	51.631.895.761

27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	-
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	51.631.895.761
Cộng	51.631.895.761

28. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	-
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.158.375.473
Cộng	36.158.375.473

29. Doanh thu tài chính

	6 tháng đầu năm 2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	454.116.734
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Doanh thu tài chính khác	-
Cộng	454.116.734

30. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2010
- Chi phí lãi vay	4.502.785.294
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Chiết khấu thanh toán, lãi phạt chậm trả	-
- Chi phí tài chính khác	-
Cộng	4.502.785.294

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Số nhà 368 phố Lý Bôn, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2010
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	943.688.327
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	943.688.327

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2010
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.954.895.549
- Chi phí nhân công	6.306.233.562
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.285.553.273
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	934.211.047
- Chi phí khác bằng tiền	3.525.600.447
Cộng	41.006.493.878

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**5. Thông tin so sánh**

Năm 2010 là năm tài chính đầu tiên Công ty phải lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, do vậy, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có cột số liệu so sánh. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), trong đó, chỉ tiêu “Quỹ khen thưởng, phúc lợi” được trình bày lại trong phần “Nợ phải trả” thay vì trình bày trong phần “Vốn chủ sở hữu” để phù hợp với quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Thái Bình, ngày 06 tháng 8 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Ngọc Thắng

Phạm Ngọc Thắng

Lưu Huy Hà